

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 826/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H, sinh năm 1990; thường trú: Xóm 7, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam; tạm trú: J5, khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; thường trú: Xóm 7, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam; tạm trú: J5, khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương.

(Chị Chu Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn P vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn P tự nguyện yêu nhau và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyền số 02/2009 ngày 06/01/2010. Sau khi kết

hôn, chị H và anh P sinh sống, làm việc tại thị xã E, tỉnh Bình Dương. Từ lúc kết hôn, chị H ở nhà lo việc gia đình, anh P là người lo kinh tế chính trong gia đình. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù giữa hai bên đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện nay đã sống ly thân. Chị H xác định không còn tình cảm với anh P, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh P có hai con chung là Nguyễn Minh P1, sinh ngày 13/4/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/6/2012. Hiện hai con đang sống với anh P. Chị H không có điều kiện kinh tế ổn định, chị H bận đi làm nên không có thời gian chăm sóc, đưa đón các con đi học. Vì vậy, chị H yêu cầu giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống và việc học tập cho các con, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng (tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng/02 con chung).

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai vào ngày 13/9/2019; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 01/10/2019; tham gia phiên tòa ngày 23/10/2019 và 14/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019, cháu Nguyễn Minh P1 trình bày:* Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu P1 muốn được ở với mẹ vì mẹ chăm sóc, dạy cháu học bài, mẹ biết nấu ăn ngon, có bài tập về nhà thì mẹ sẽ hướng dẫn cháu làm.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019, cháu Nguyễn Khánh L trình bày:* Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu L muốn được ở với bố vì khi mẹ bỏ đi, chỉ có bố trông nom, chăm sóc cháu.

- Ngày 27/8/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn P tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ và được cung cấp như sau: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn P. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Chu Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn P, anh P có nơi cư trú tại địa chỉ J5, khu phố D, phường Đ, thị xã E, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Chu Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyền số 02/2009, cấp ngày 06/01/2010 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo nguyên đơn chị H trình bày giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại chị H và anh P đã ly thân.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh P có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh P có hai con chung là Nguyễn Minh P1, sinh ngày 13/4/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/6/2012. Căn cứ vào lời khai của chị H thì từ khi chị H không sống cùng anh P, con chung vẫn do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, theo lời khai của cháu Nguyễn Khánh L cũng xác định bố mẹ cháu không còn sống chung, bố là

người đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu L có nguyện vọng được sống với bố nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh P để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh P vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Xét cháu Nguyễn Minh P1 và Nguyễn Khánh L đang sống ổn định với anh P, tuy cháu P1 có nguyện vọng được ở với chị H nhưng chị H hiện tại không có đủ điều kiện, thời gian để trông nom con. Vì vậy, việc chị H yêu cầu giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của con nên có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi xem xét thu nhập, khả năng thực tế của chị H và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi nêu trên, xét thấy chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị H phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 02/2009, ngày 06/01/2010 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hà Nam cấp).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh P1, sinh ngày 13/4/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/6/2012 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Chu Thị H đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng (tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng/02

con chung). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Minh P1, cháu Nguyễn Khánh L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau ly hôn, chị Chu Thị H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, anh Nguyễn Văn P không được cản trở chị Chu Thị H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029113 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Chu Thị H còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã B,
- huyện C, tỉnh Hà Nam;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Minh Trang**